

Số: 6375 /QĐ-XHNV

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026
của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 510/QĐ-XHNV-TC, ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động trong Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 6581/QĐ-ĐHQGHN ngày 30/12/2025 của ĐHQGHN về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-ĐHQGHN ngày 16/3/2026 của ĐHQGHN về việc giao dự toán chi đào tạo LHS Lào và Campuchia năm 2026;

Xét đề nghị của Trường phòng Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho quyết định số 2045/QĐ/XHNV ngày 14 tháng 6 năm 2026.

Điều 3. Trường Phòng Kế hoạch – Tài chính và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (Ban TC&ĐT);
- Lưu: VT, KH-TC, P3.



Gs.Ts Hoàng Anh Tuấn

Đơn vị: Trường Đại học KHXH và Nhân văn

Mẫu biểu số : 74

Chương: 044

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số ~~6375~~ /QĐ-XHNV ngày ~~06~~ tháng ~~10~~ năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Tổng thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
III	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	99.077
I	Nguồn ngân sách trong nước	97.977
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	9.453
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ Số dư DT 2025 mang sang: 3.635 Số dư dự toán 2025 mang sang: 57.5 Dự toán cấp 2026: 5.760	9.453
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
	<i>-Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	88.524
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	57.905
	Dự toán 2025 mang sang	39.7
	Số dư tạm ứng 2025 mang sang	1.834.5
	Dự toán cấp	56.031
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	30.619
a	Kinh phí đào tạo LHS Lào	3.179
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	27.440
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh thường xuyên không giao tự chủ	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh thường xuyên không giao tự chủ	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh thường xuyên không giao tự chủ	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh thường xuyên không giao tự chủ	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh thường xuyên không giao tự chủ	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh thường xuyên không giao tự chủ	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh thường xuyên không giao tự chủ	
II	Nguồn viện trợ	1.100
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1.100
3.1	Dự án: Giới trẻ với vấn đề chuyển đổi sinh thái xã hội và phát triển cộng đồng bền vững	1.100
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	

TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	